

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-3-2023

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Kha.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Quang Toàn

2. Ông Ngô Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Danh Thị S, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Trương H, xã Thanh T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Lê Văn E, sinh năm 1961 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Trương H, xã Thanh T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13-02-2023 và tại phiên tòa bà Danh Thị S, trình bày: Bà và ông Lê Văn E tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian sau này bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, cho đến nay bà S không thể tiếp tục sống chung với ông E nữa nên bà S yêu

cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông E là vợ chồng, về con chung trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 18/3/1994 và Lê Thị Cẩm N, sinh ngày 10/10/1995 hiện cả hai đều đã trưởng thành tự lo cho cuộc sống nên không yêu cầu tòa án giải quyết, về tài sản chung tự thỏa thuận, về nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn E vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, theo biên bản lấy lời khai ngày 7/3/2023 (bút lục 21) và tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, đề ngày 07-3-2023 ông E có trình bày ý kiến: Ông thống nhất nội dung yêu cầu khởi kiện của bà S vợ chồng tổ chức lễ cưới và sống chung từ năm 1992 cho đến nay không có đăng ký kết hôn, do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên ông đồng ý không công nhận ông và bà S là vợ chồng, về con chung có 02 người con chung tên Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 18/3/1994 và Lê Thị Cẩm N, sinh ngày 10/10/1995 hiện cả hai đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, về tài sản chung tự thỏa thuận, về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, riêng bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đúng quy định. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S về việc không công nhận bà Danh Thị S và ông Lê Văn E là vợ chồng. Về con chung cả hai đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, về tài sản chung, về nợ không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Căn cứ vào nội dung đơn yêu cầu khởi kiện của bà Danh Thị S yêu cầu không công nhận bà và ông E là vợ chồng, theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự tại điểm a khoản 1 Điều 35 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn ông Lê Văn E cư trú tại ấp Trương H, xã Thạnh T, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị.

[2] *Về tố tụng:* Nguyên đơn bà Danh Thị S có mặt, bị đơn ông Lê Văn E vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Danh Thị S và ông Lê Văn E đều trình bày vợ chồng tổ chức lễ cưới và về sống chung với nhau từ năm 1992 cho đến nay không có đăng ký kết hôn là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Bà S trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông E. Do bà S và ông E không có đăng ký kết hôn nên căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*”. Căn cứ các quy định trên Tòa án không công nhận bà S và ông E là vợ chồng

[4] *Về con chung*: Bà S và ông E có hai con chung là tên Lê Thị Cẩm Tiên, sinh ngày 18/3/1994 và Lê Thị Cẩm Nhiên, sinh ngày 10/10/1995 hiện cả hai đều đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà S và ông E thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, nguyên đơn bà Danh Thị S phải chịu theo quy định.

[7] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Danh Thị S không công nhận bà Danh Thị S và ông Lê Văn E là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Hai con chung Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 18/3/1994 và Lê Thị Cẩm N, sinh ngày 10/10/1995 hiện cả hai đều đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Nguyên đơn bà Danh Thị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002937 ngày 13-02-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Tuyết Kha